

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 01 - 2024

V/v Tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về: “Tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST - DS ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Khánh Đ - sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Văn phòng công chứng T1

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L - Trưởng văn phòng. (có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Anh Bùi Đình D - sinh năm 1973 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1973 (vắng mặt).

- Ông Lê Khánh Đ1 - sinh năm 1946 (có mặt).

- Bà Bùi Thị T2 - sinh năm 1958 (có mặt).

- Ông Đinh Văn Y (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Duy N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã B, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lê Thị Y - sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Khánh Đ trình bày:***

Bố ông là ông Lê Khánh L, sinh năm 1920 (chết năm 1999) và mẹ bà Bùi Thị T, sinh năm 1922 (chết năm 2022) sinh được 05 người con là Lê Khánh Đ2, sinh năm 1946 (là liệt sỹ, hi sinh năm 1968 - chưa có vợ con); Lê Khánh Đ1, sinh năm 1950; Lê Khánh Đ; Lê Khánh Đ3, sinh năm 1960 (là liệt sỹ, hi sinh năm 1985, chưa có vợ con) và bà Lê Thị Y, sinh năm 1963. Khi còn sống ông L và bà T là chủ sử dụng tại thửa đất số 1145, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Quảng Bình năm 1993, diện tích 696m²; được UBND huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D018606, ngày 30/6/1993 mang tên Lê Khánh L.

Cuối năm 2011 ông Lê Khánh Đ1 đánh đuổi bà Bùi Thị T, không cho bà T ở nhà ông Đ1 nữa, bà T được ông Lê Khánh C là cháu dẫn sang nhà ông Đ và nói với ông Đ để bà T chuyển sang ở với gia đình ông Đ.

Tháng 05/2012 bà Bùi Thị T đến UBND xã B để mở di chúc lập năm 2003 chia đôi mảnh đất 696m² cho gia đình ông Đ và ông Đ1 nhưng ông Đ1 đòi lấy cả. Đến cuối năm 2012 bà T đến UBND xã B làm lại di chúc, phần đất của bà Bùi Thị T cho riêng ông Đ, còn phần đất của ông Lê Khánh L thì để chia theo pháp luật.

Tháng 7/2014 bà Bùi Thị T được nhà nước phong tặng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tháng 9/2014 ông Đ1 sang nhờ ông C bảo với ông Đ cho bà T về ở với ông Đ1 và ông Đ đồng ý. Trong năm 2014 ông Đ1 đưa bà T lên UBND xã B để làm lại di chúc nhưng xã không cung cấp giấy tờ để làm lại, sau đó ông Đ1 lại dẫn bà T lên UBND để làm xóa di chúc nhưng xã không làm vì sang năm 2014 khi đó bà Bùi Thị T bị lẫn, không tỉnh táo, không minh mẫn, không đi lại được và do ông Đ1 bắt ép bà T lên xã.

Đến ngày 17/01/2015 Văn phòng công chứng T1 lại lập văn bản hủy bỏ di chúc năm 2012 của bà Bùi Thị T cho ông Đ.

Nay ông Đ đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T do Văn phòng công chứng T1 lập ngày 17/01/2015, số công chứng 91, quyển số: 01 TP/CC-SCC là vô hiệu với lý do: Năm 2014 bà T bị lẫn, không tỉnh táo, không minh mẫn, không đi lại được; đến năm 2015 thì bà T lại bị lẫn nặng thêm

nên không đủ ý chí để yêu cầu lập văn bản hủy bỏ di chúc. Người làm văn bản hủy bỏ di chúc là Văn phòng công chứng T1 cố ý làm trái pháp luật. Người làm chứng là anh Bùi Đình D trong văn bản hủy bỏ di chúc là cháu ruột của bà T khi đó Đ bị khuyết tật thân kinh và hưởng chế độ bảo trợ xã hội.

2. Phần trình bày của ông Lê Ngọc L - Đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng T1 trình bày:

Ngày 19/12/2012 Văn phòng công chứng T1, tỉnh Thanh Hóa có công chứng bản di chúc số 2205, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD của bà Bùi Thị T, sinh năm 1922; địa chỉ: xã B, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Nội dung bản di chúc là bà Bùi Thị T dành một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1145, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã B; địa chỉ thửa đất: xã B, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cho người con trai là ông Lê Khánh Đ.

Đến ngày 17/01/2015 bà Bùi Thị T lại yêu cầu Văn phòng công chứng T1, tỉnh Thanh Hóa hủy bản di chúc nêu trên để trở lại tình trạng ban đầu như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sau khi bà Tình qua đời, các con bà thực hiện việc phân chia di sản để ở và làm nơi thờ cúng tổ tiên. Tại nhà ông Lê Khánh Đ1, Văn phòng công chứng T1 có xuống và lập Văn bản hủy bỏ di chúc theo nội dung yêu cầu của bà Bùi Thị T. Tại thời điểm đề nghị hủy bỏ di chúc, bà Bùi Thị T tuy tuổi đã cao nhưng bà vẫn tỉnh táo, minh mẫn nhưng bà ký được, bà đã điểm chỉ và có người làm chứng là anh Bùi Đình D. Việc thực hiện văn bản hủy di chúc là theo yêu cầu của người lập di chúc và thực hiện theo ý chí, nguyện vọng của bà Bùi Thị T.

Theo yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T do Văn phòng công chứng T1 lập ngày 17/01/2015, số công chứng 91, quyền số: 01 TP/CC-SCC là vô hiệu thì tôi không đồng ý, vì: Văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T do Văn phòng công chứng T1 lập ngày 17/01/2015 là đúng thủ tục, đúng trình tự theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm quy định của pháp luật.

Khi lập di chúc và hủy bỏ di chúc thì Văn phòng công chứng không cần xác minh tại địa phương, chỉ cần theo ý chí của người lập và hủy bỏ di chúc. Văn phòng công chứng T1 ký chứng thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*** Những người làm chứng:**

- Anh Bùi Đình D trình bày:

Anh Bùi Đình D là cháu ruột bà Bùi Thị T và ngày 17/01/2015 anh có ký là nhân chứng trong văn bản hủy bỏ di chúc do Văn phòng công chứng T1 lập để hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T lập ngày 19/12/2012 cho ông Lê Khánh Đ. Trước đây, vào khoảng năm 2009 anh D bị bệnh, đôi khi không nhớ gì, đến ngày 01/01/2015 anh được hưởng chế độ trợ cấp xã hội theo Quyết định số 193/QĐ-

UBND ngày 29/01/2015 của UBND huyện Quảng Xương với lý do: Là đối tượng thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật (Nhóm khuyết tật nặng không thuộc diện hộ nghèo). Đến ngày 01/01/2020 thì UBND huyện Quảng Xương ban hành Quyết định số 6508/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc dừng trợ cấp đối với anh Bùi Đình D kể từ ngày 01/01/2020 với lý do: Chuyên khuyết tật nhẹ. Khi anh ký là nhân chứng trong văn bản hủy bỏ di chúc do bà Bùi Thị T lập, lúc đó thì bà T đang còn minh mẫn, tự nguyện, không bị ai ép buộc; bản thân anh khi ký cũng không bị ai ép buộc, hoàn toàn tự nguyện, anh cũng không liên quan hay được quyền lợi gì về việc bà Bùi Thị T lập di chúc hay hủy bỏ di chúc. Bản thân anh cũng không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự. Hiện nay anh vẫn làm nghề cắt tóc tại nhà.

- Ông Lê Khánh Đ1 trình bày:

Ông là con ruột của bà Bùi Thị T (chết năm 2022) và ông Lê Khánh L (chết năm 1999). Bố mẹ ông sinh được 05 người con là Lê Khánh Đ2 (là liệt sỹ, hi sinh năm 1968 - chưa có vợ con), Lê Khánh Đ, Lê Khánh Đ3 (là liệt sỹ, hi sinh năm 1985, chưa có vợ con), bà Lê Thị Y và ông Lê Khánh Đ1. Thời điểm tháng 01 năm 2015 khi bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc thì bà T đang ở nhà ông, khi đó bà T đang tỉnh táo và đi lại bình thường. Khi bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc thì ông Đ1 không biết, vì khi đó ông Đ1 đi bệnh viện mổ mắt, không có nhà; sau này bà T có nói lại cho ông Đ1 biết là bà T có nhờ anh Bùi Đình D ký là người làm chứng trong văn bản hủy bỏ di chúc. Hiện nay khu đất bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc thì ông Đ1, ông Đ và bà Y đều không có ai ở trên đó cả, khóa cửa, chỉ có ngày giỗ, ngày rằm là ông thắp hương. Nguyện vọng của bà Bùi Thị T là để làm nơi thờ cúng, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị Y trình bày:

Bà là con ruột của bà Bùi Thị T (chết năm 2022) và ông Lê Khánh L (chết năm 1999). Bố mẹ bà sinh được 05 người con là Lê Khánh Đ (là liệt sỹ, hi sinh năm 1968 - chưa có vợ con), Lê Khánh Đ1, Lê Khánh Đ, Lê Khánh Đ3 (là liệt sỹ, hi sinh năm 1985, chưa có vợ con) và bà Lê Thị Y. Bà Bùi Thị T lập di chúc hay hủy bỏ di chúc cho ai, năm nào thì bà Y không biết. Tuy nhiên thời điểm tháng 01 năm 2015 khi đó bà T 95 tuổi, vẫn tỉnh táo, minh mẫn và đi lại bình thường. Đến khoảng năm 2022 trước khi chết vài tháng thì bà T lẫn nhiều, không nhận ra ai. Hiện nay khu đất bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc thì cả ba anh em bà là ông Đ1, ông Đ và bà Y đều không có ai ở trên đó cả. Nguyện vọng của bà Y là để làm nơi thờ cúng, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Duy N - Trưởng thôn C trình bày:

Ông làm trưởng thôn 2 cũ, xã B từ tháng 02 năm 2015, sau đó sáp nhập thì thôn 2 cũ hiện nay là thôn C, xã Quảng B và ông vẫn Đ làm trưởng thôn. Từ tháng 02 năm 2015 đến nay ông Lê Khánh Đ và bà Bùi Thị T vẫn sinh sống ở thôn C, không đi đâu; có thời điểm bà T sống cùng con trai là Lê Khánh Đ, có thời điểm bà T lại sống cùng con trai Lê Khánh Đ1. Thời điểm bà T làm văn bản hủy bỏ di chúc thì khi đó bà T cũng già yếu. Việc bà T có lập di chúc cho ai hay hủy bỏ di chúc như thế nào thì ông không biết.

- Ông Đinh Văn Y1 - Bí thư thôn C trình bày:

Ông làm Bí thư thôn 1 cũ (nay là thôn C), xã B từ đầu năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 thì không làm nữa. Khi ông Y1 làm bí thư thôn thì anh Bùi Đình D, sinh năm 1973 là người ở thôn của ông; khi đó anh D đôi lúc có biểu hiện trầm cảm, không nhanh nhẹn và anh D được hưởng chế độ bảo trợ xã hội của UBND huyện Quảng Xương từ tháng 01 năm 2015; đến khi nào anh D không được hưởng chế độ nữa thì ông không biết.

- Chị Nguyễn Thị H là vợ anh Bùi Đình D trình bày:

Chị H là vợ anh Bùi Đình D , sinh năm 1973 có địa chỉ tại thôn C, xã B, huyện Quảng Xương. Khoảng ngày 25/12/2009 (âm lịch) khi anh D đi Miền Nam về thì có biểu hiện tâm lý không ổn định, gia đình có đưa đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần. Ngày 10/4/2014 anh D được UBND xã B, huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận khuyết tật; đến ngày 01/01/2015 thì anh D được hưởng chế độ trợ cấp xã hội theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND huyện Quảng Xương; anh D vẫn làm nghề cắt tóc hằng ngày tại nhà. Đến ngày 01/01/2020 thì UBND huyện Quảng Xương ban hành Quyết định số 6508/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc dừng trợ cấp đối với anh Bùi Đình D kể từ ngày 01/01/2020 với lý do: Chuyển khuyết tật nhẹ. Hiện nay anh D đôi khi vẫn còn có biểu hiện tâm lý không bình thường, vẫn thường xuyên uống thuốc. Anh D chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyên hạn chế năng lực hành vi dân sự, mọi sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày vẫn bình thường.

- Bà Bùi Thị T2 trình bày:

Tại Giấy xác nhận do ông Lê Khánh Đ nộp thì có nội dung bà T2 khai: Năm 2014, bà T đã yếu nhiều, chỉ đi lại quanh quẩn trong nhà, có lúc lú lẫn nặng. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2023 bà T2 khai nhận: Bà T2 là cháu dâu gọi bà Bùi Thị T là thím; nhà bà Thành ở sát cạnh nhà ông Lê Khánh Đ1 (ông Đ1 là con trai bà Bùi Thị T) nên bà Thành thường xuyên sang thăm bà T. Từ tháng 9 năm 2014 bà T sang ở nhà ông Đ1 đến khi bà T chết (tháng 3 năm 2022). Thời điểm năm 2014 khi bà T sang ở với ông Đ1 thì bà T

vẫn tỉnh, đôi lúc do tuổi già, nếu hỏi thì một lúc sau mới nhớ được, việc đi lại và sinh hoạt của bà T vẫn bình thường. Trước khi chết, khoảng đầu năm 2021 thì bà T lẩn nặng, không biết gì, mọi sinh hoạt của bà T đều do gia đình ông Đ1 chăm lo.

- *Tại Biên bản làm việc ngày 27/9/2023 tại UBND xã B, huyện Quảng Xương thể hiện:*

Anh Bùi Đình D, sinh năm 1973 có địa chỉ tại: Thôn 1 (nay là thôn C), xã B, huyện Quảng Xương được hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND huyện Quảng Xương với lý do: Là đối tượng thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật (Nhóm khuyết tật nặng không thuộc diện hộ nghèo). Mức hưởng 270.000đ/tháng. Thời điểm bắt đầu hưởng chế độ là ngày 01/01/2015. Đến tháng 10/2019 anh D được Hội đồng đánh giá mức độ khuyết tật xã Quảng Bình đánh giá lại mức độ khuyết tật, chuyển từ mức khuyết tật nặng xuống mức khuyết tật nhẹ của dạng thần kinh, tâm thần và thôi hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngày 01/01/2020 theo Quyết định số 6508/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND xã B, huyện Quảng Xương. Hiện nay UBND xã không có và cũng không nhận được Quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyên anh D bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và làm việc tại Tòa án.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật TTDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khánh Đ về việc yêu cầu tuyên văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T lập ngày 17/01/2015 vô hiệu.

- Về án phí: Ông Lê Khánh Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Lê Khánh Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc vô hiệu của bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ ông) do Văn phòng công chứng T1 lập cho bà Bùi Thị T ngày 17/01/2015. Bị đơn là Văn phòng công chứng T1 có địa chỉ tại thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “*Tranh chấp Tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc vô hiệu*” thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ ông) do Văn phòng Công chứng T1 lập ngày 17/01/2015 là vô hiệu, với lý do: Do năm 2014, bà Bùi Thị T bị lẩn, không tinh táo, không minh mẫn, không đi lại được; đến năm 2015 thì bị lẩn nặng nên không đủ ý chí để yêu cầu lập văn bản hủy bỏ di chúc.

HĐXX thấy rằng: Các con của bà Bùi Thị T là bà Lê Thị Y và ông Lê Khánh Đ1 đều thừa nhận: Năm 2014 bà Bùi Thị T ở cùng ông Lê Khánh Đ1, khi đó bà T 95 tuổi nhưng vẫn tinh táo, minh mẫn, đi lại và sinh hoạt bình thường. Đến năm 2015 bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc khi đó vẫn đang minh mẫn, nghe và đọc được, điểm chỉ được. Cuối năm 2020, trước khi chết (năm 2022) thì bà T mới bị lẩn và không nhận biết được ai. Anh Bùi Đình D là người ký người làm chứng vào văn bản hủy bỏ di chúc cũng thừa nhận: Thời điểm anh D được bà T mời ký là người làm chứng, bà T đang hoàn toàn tinh táo, minh mẫn, không bị ai ép buộc; bản thân anh ký làm chứng anh cũng không liên quan và được hưởng lợi gì từ việc bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc, khi ký thì anh tự nguyện và không bị ai ép buộc. Những người làm chứng là ông N cũng thừa nhận thời điểm năm 2015 khi đó thì bà T có già yếu nhưng vẫn đi lại và sinh hoạt bình thường.

Quá trình giải quyết, ông Lê Khánh Đ có nộp 1 giấy xác nhận của bà Bùi Thị T2 (nhà bà T2 sát nhà của ông Đ1) có nội dung: Năm 2014, bà T đã yếu nhiều, chỉ đi lại quanh quẩn trong nhà, có lúc lú lẫn nặng. Ngoài ra, không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ nào khác. Mặt khác tại Biên bản lấy lời khai tại Tòa án thì bà T2 khai: Thời điểm năm 2014 khi bà T sang ở với ông Đ1 thì bà T vẫn tinh táo, đôi lúc do tuổi già, nếu hỏi thì một lúc sau mới nhớ được, việc đi lại và sinh hoạt của bà T vẫn bình thường. Trước khi chết, khoảng đầu năm 2021 thì bà T mới lẩn nặng và không biết gì.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 640 của Bộ luật Dân sự 2015 thì “*Người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào*” và việc bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc, khi đó tinh thần bà T hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, hiểu biết, thể hiện được nguyện vọng, ý chí của bản thân và không bị ai ép buộc, có người chứng kiến, được lập trước Công chứng viên là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, việc ông Lê Khánh Đ cho rằng tại thời điểm bà T lập văn bản hủy bỏ di chúc ngày 17/01/2015 bà T không còn sáng suốt, minh mẫn là không có cơ sở.

2.2 Xét yêu cầu của người khởi kiện về việc anh Bùi Đình D ký người làm chứng trong văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T do Văn phòng công chứng T1 lập ngày 17/01/2015, thời điểm đó anh D là người bị khuyết tật thần kinh và đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội.

HĐXX xét thấy: Thời điểm anh Bùi Đình D ký người làm chứng trong văn bản hủy bỏ di chúc của Bùi Thị T do Văn phòng công chứng T1 lập ngày 17/01/2015 thì thời điểm đó anh D được hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND huyện Quảng Xương với lý do: Là đối tượng thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật (Nhóm khuyết tật nặng không thuộc diện hộ nghèo) và thời điểm hưởng là từ ngày 01/01/2015. Đến tháng 10/2019 anh D được Hội đồng đánh giá mức độ khuyết tật xã B đánh giá lại mức độ khuyết tật, chuyển từ mức khuyết tật nặng xuống mức khuyết tật nhẹ của dạng thần kinh, tâm thần và thôi hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngày 01/01/2020 theo Quyết định số 6508/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND xã B, huyện Quảng Xương.

Theo quy định tại Điều 19 của BLDS năm 2015 quy định: “*Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự*”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 BLDS năm 2015 quy định: *Mất năng lực hành vi dân sự:*

1. “*Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác....., Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.....*”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 BLDS năm 2015 quy định: *Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi:*

1. “*Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức....., Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ*”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 BLDS năm 2015 quy định: Hạn chế năng lực hành vi dân sự:

1. *“Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác....., Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.....”*.

Theo quy định tại Điều 22,23 và 24 của BLDS năm 2015 quy định đối với những người này phải có Quyết định của Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự; khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì mới được coi là mất năng lực hành vi dân sự; khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật Công chứng năm 2014 quy định về người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch thì:

1.....

2. *“Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký, điểm chỉ được hoặc trong những trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng.....”*

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu người yêu cầu công chứng không mời được thì công chứng viên chỉ định”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 636 của Bộ luật dân sự quy định về thủ tục lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã:

1.....

2. *“Trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng”*.

Như vậy, các văn bản liên quan đến việc anh Bùi Đình D hưởng chế độ trợ cấp không phải là kết luận của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật anh D chưa bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Vợ anh Bùi Đình D là chị Nguyễn Thị H cũng thừa nhận là anh D tuy bị bệnh nhưng mọi giao tiếp và sinh hoạt hàng ngày của anh D đều bình thường, anh D không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Bản thân anh D đang làm nghề cắt tóc hàng ngày. Mặt khác, theo quy định của pháp luật, những trường hợp bắt buộc phải có người làm chứng là người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký và điểm chỉ được thì việc công chứng phải có người làm chứng. Bà Bùi Thị T thời điểm năm 2015 lập văn bản hủy bỏ di chúc vẫn đang minh

mẫn, nghe và đọc được, điểm chỉ được. Do vậy trường hợp của bà T không bắt buộc phải có người làm chứng. Do đó việc anh D ký vào văn bản hủy bỏ di chúc của bà T năm 2015 với tư cách là người làm chứng không quyết định việc văn bản công chứng có hiệu lực hay không do điều này là không bắt buộc.

Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng yêu cầu của ông Lê Khánh Đ đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc vô hiệu của bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ ông) không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Khánh Đ không được chấp nhận, nhưng ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên ông Đ được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Lê Khánh Đ không phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật TTDS. Điều 19; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 636; khoản 1 Điều 640 của BLDS 2015. Khoản 2 Điều 47 Luật công chứng 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khánh Đ về việc tuyên bố văn bản hủy bỏ di chúc của bà Bùi Thị T do Văn phòng công chứng T1 lập ngày 17/01/2015 vô hiệu.

- Về án phí: Ông Lê Khánh Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Lê Khánh Đ không phải nộp án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

